MỤC LỤC

MỤC LỤC ..... I
DANH MỤC BẢNG ..... III
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT ..... V
Chương I ..... 1
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ ..... 1
1.1. Tên chủ cơ sở: ..... 1
1.2. Tên cơ sở: CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 14 ..... 1
1.2.1. Địa điểm cơ sở: ..... 1
1.2.2. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, các giấy phép môi trường thành phần (nếu có): ..... 1
1.2.3. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh, mua bán xăng dầu. ..... 2
1.2.4. Quy mô của cơ sở: ..... 2
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở: ..... 2
1.3.1 . Công suất hoạt động của cơ sở: ..... 2
1.3.2 .Công nghệ sản xuất của cơ sở: ..... 4
1.3.3 . Sản phẩm của cơ sở: ..... 5
1.3.4. Thiết bị tại cơ sở: ..... 5
1.4Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở: ..... 5
1.4.1 .Nguyên, nhiên, vật liệu ..... 5
1.4.2 .Nhiên liệu ..... 6
1.4.3 . Hóa chất sử dụng ..... 7
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở ..... 7
Chương II ..... 9
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG ..... 9
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường ..... 9
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường ..... 9
Chương III ..... 11
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ ..... 11
3.1Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải ..... 11
3.1.1 .Thu gom, thoát nước mưa: ..... 11

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải ..... 11
3.1.3. Xử lý nước thải ..... 12
3.2.Công trình xử lý bụi, khí thải ..... 13
3.3.Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường ..... 14
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại ..... 14
3.5Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở: ..... 15
3.6Các biện pháp bảo vệ môi trường khác. ..... 15
Chương IV ..... 19
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ..... 19
4.1Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải: ..... 19
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ ..... 22
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải ..... 22
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải ..... 22
Chương VI ..... 23
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ ..... 23
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải ..... 23
6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật. ..... 23
6.2.1.Chương trình quan trắc môi trường định kỳ: ..... 23
6.2.2.Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: ..... 23
6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở: Không ..... 23
Chương VII ..... 24
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ ..... 24
Chương VIII ..... 25
CAM KẾT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ ..... 25
PHỤ LỤC ..... 26

# DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.2. Ước tính các sản phẩm bán trong 1 tháng ..... 5
Bảng 1.3. Ước tính nhu cầu nguyên liệu sử dụng trong 1 tháng ..... 6

**DANH MỤC HÌNH**

Hình 1.1. Tổng quan vị trí cơ sở ..... 1
Hình 1.2: Hình ảnh cột bơm xăng dầu của cơ sở ..... 4

# DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

| | |
|---|---|
| $BOD_5$ | : Nhu cầu oxy sinh học; |
| BTCT | : Bê tông cốt thép; |
| COD | : Nhu cầu oxy hóa học; |
| CTNH | : Chất thải nguy hại; |
| ĐTM | : Đánh giá tác động môi trường; |
| NĐ – CP | : Nghị định chính phủ; |
| NXB | : Nhà xuất bản; |
| N | : Nitơ; |
| SS | : Chất rắn lơ lửng; |
| STT | : Số thứ tự |
| TCVN | : Tiêu chuẩn Việt Nam; |
| TNHH | : Trách nhiệm hữu hạn; |
| TP | : Thành phố; |
| TT - BTNMT | : Thông tư Bộ Tài nguyên Môi trường; |
| P | : Phốt pho; |
| PCCC | : Phòng cháy chữa cháy; |
| QCVN | : Quy chuẩn Việt Nam; |
| UBND | : Ủy ban Nhân dân; |
| CHXD | : Cửa hàng xăng dầu. |

# Chương I
# THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

## 1.1. Tên chủ cơ sở:

- Tên chủ cơ sở: **CÔNG TY TNHH TMTH XĂNG DẦU VIỆT TRUNG**
- Địa chỉ văn phòng: thôn 5, xã Phú Định, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: ông Cao Bảo Ngọc
- Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại:
- Fax: Email:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 3100945949-001 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 19 tháng 07 năm 2021.
- Mã số thuế: 3100945949-001
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu theo quyết định số 50/GCNĐĐK-SCT ngày 04/05/2023 của Sở Công thương tỉnh Quảng Trị

## 1.2. Tên cơ sở: CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 14

**1.2.1. Địa điểm cơ sở:** Cửa hàng xăng dầu số 14 thuộc Công ty TNHH TMTH Xăng dầu Việt Trung nằm trên trục đường tỉnh lộ 571, khóm 4, thị trấn Bến Quan, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Khu vực cửa hàng có địa hình, địa mạo tương đối bằng phẳng, bề mặt xung quanh khu vực cửa hàng đã được bê tông hóa. Vị trí cửa hàng có các vị trí tiếp giáp như sau:

+ Phía Bắc: Giáp đường tỉnh lộ 571
+ Phía Nam: Giáp Sông Sa Lung
+ Phía Đông: Giáp đất trống
+ Phía Tây: Giáp đất trống

**Hình 1.1. Tổng quan vị trí cơ sở**

- Tổng mặt bằng cơ sở có tổng diện tích là 1824,0m$^2$, thuộc thửa đất số 357, tờ bản đồ số 06 khóm 4, thị trấn Bến Quan, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị:

**1.2.2. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, các giấy phép môi trường thành phần (nếu có):**

- Giấy xác nhận Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của Cửa hàng xăng dầu số 14 số 1647/GXN-UBND do Uỷ ban nhân dân huyện Vĩnh Linh cấp ngày 19/10/2020;

**1.2.3.Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:** Kinh doanh, mua bán xăng dầu.

**1.2.4. Quy mô của cơ sở**:

- Quy mô Cơ sở phân loại theo tiêu chí của Pháp luật về Đầu tư công: Phân loại dự án nhóm C – Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại Khoản 5 Điều 8 của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 06 năm 2019 của Quốc hội với tổng mức đầu tư dưới 45 tỷ đồng. Thuộc nhóm III tại Phụ lục V phần II mục số 14, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, cơ sở đang hoạt động ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường do đó theo khoản 1, điều 39 Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 an hành ngày 17/11/2020 cơ sở thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường do UBND cấp huyện cấp.

- Tổng vốn đầu tư dự án là: 10.955.948.000 đồng (Mười tỷ, chin trăn năm mươi lăm triệu, chín trăm bốn mươi tám ngàn đồng chẵn).

**1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:**

**1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:**

- Cửa hàng xăng dầu số 14 hiện đang hoạt động với tổng sức chứa xăng dầu tại cửa hàng là 60$m^3$, cụ thể: Khu vực bể chứa được xây dựng phía Đông Nam của cửa hàng, có diện tích khoảng 30$m^2$, bể được xây dựng ngầm với 03 bể chứa với tổng thể tích 60$m^3$; trong đó: 01 bể có khối tích 20$m^3$ chứa xăng Ron 95, 01 bể 20$m^3$ chứa xăng E5 Ron 92, 01 bể 20$m^3$ chứa dầu Diezel.

- Khu vực nhà mái che cột bơm: Khu vực bán xăng dầu với diện tích khoảng 390$m^2$, cao 5,4m được kết cấu trụ bê tông cốt thép, mái lợp tôn, nền được kết cấu bằng bê tông chịu lực, hệ thống điện chiếu sáng đồng bộ.

- Sân bãi được đổ bê tông có độ dốc đổ về mương thu gom nước.

- Khu vực nhà điều hành: Nhà cấp 4, có diện tích 72,6$m^2$. Kết cấu xây dựng: Tường xây gạch, trụ bê tông cốt thép, trát vữa xi măng, nền gạch men, cửa loại nhôm ốp kính mở ra ngoài, la phông nhựa. Hệ thống điện đi ngầm. Bên trong bố trí nhà làm việc, 1 phòng nghỉ ca nhân viên , Gian trưng bày, kho chứa đồ nghệ và dụng cụ vệ sinh, 1 nhà vệ sinh…

- Hệ thống xử lý nước thải gồm mương thu gom nước mặt dẫn về bể xử lý ba ngăn lắng tách dầu trước khi xả vào hệ thống nước khu vực;

- Xung quanh cơ sở theo 3 hướng: Đông, Tây và Nam có xây tường rào bao bọc cao trên 2,2m.

- Ngoài ra cửa hàng còn trang bị 01 máy phát điện phục vụ việc bán hàng lúc mất điện cũng như hoạt động phòng cháy chữa cháy;

**** Các hạng mục công trình cơ sở:***

- Tổng diện tích cơ sở: 1284,0 $m^2$.

- Nhà điều hành: diện tích: 72,6 $m^2$.

- Khu vực kinh doanh, bể chứa:

+ Mái che, trụ bơm: 390 $m^2$

+ Khu vực bể chứa xăng dầu: 30 $m^2$

- Còn lại là bể chứa nước, sân bãi, kho và nhà vệ sinh.

- Số trụ bơm tại cửa hàng: 04 trụ bơm (2 cột bơm xăng, 2 cột bơm dầu). Các cột bơm được lắp đặt trên đảo bơm bằng gạch cao khoảng 20cm, cường độ nền đất đạt Rtc=0,8kg/$cm^2$.

**** Nhân sự của cơ sở:***

- Cửa hàng gồm có 02 người làm việc, cụ thể:

+ Cửa hàng trưởng: 01 người;

+ Nhân viên: 01 người;

+ Thời gian làm việc hàng ngày 08 giờ/ngày. Luôn có người trực Cửa hàng 24/24

**** Hệ thống công nghệ nhập kín xăng dầu:***

- Qúa trình nhập xăng dầu dùng máy bơm của xe bồn chuyên dùng đẩy qua ống công nghệ vào bể chứa. Công nghệ của bể và công nghệ của xe bồn chuyên dùng nối với nhau bằng ống cao su có dầu nhập kín. Bể thở qua supap cơ khí. Qúa trình xuất xăng dầu, cửa hàng còn lắp đặt đường ống D40 thu hồi bơm xăng dầu trở lại bồn chứa trên xe bồn chuyên dùng đảm bảo không thoát ra môi trường.

- Đường ống nhập là ống thép mạ kẻm D80; đường ống xuất từ bể chứa đến mỗi cột bơm bán lẽ là đường ống mạ kẻm D40 được đi trong hộp kỹ thuật ngầm phủ kín.

- Cuối mỗi hệ thống đường ống xuất nhập đều có lắp đặt van một chiều.

- Quy trình công nghệ xuất nhập xăng dầu của cửa hàng: Trong quá trình hoạt động thì sản phẩm xăng dầu được bảo quản và vận chuyển tại cửa hàng như sau:

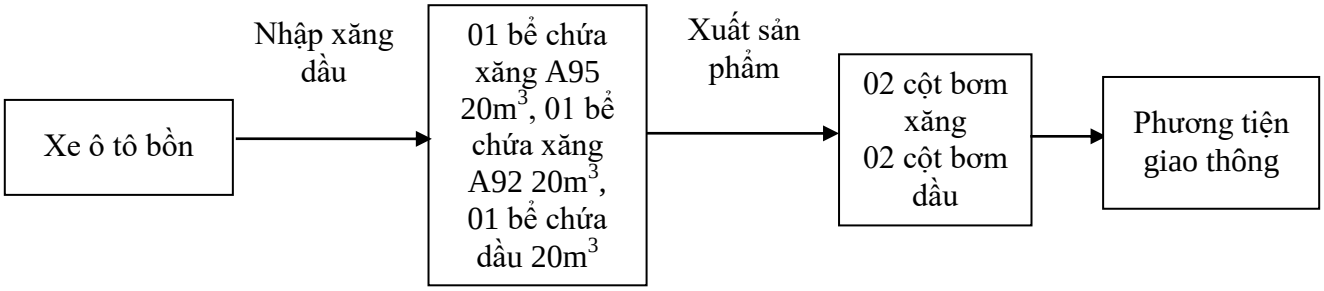


**Sơ đồ 1: Sơ đồ nhập xăng dầu của cửa hàng**

*** Van thở, van hồi lưu:**

- Các bể chứa đều lắp van thở riêng biệt, thông số kỹ thuật phù hợp với kết cấu, dung tích và điều kiện vận hành bể (áp suất dương 350-400mm cột nước, áp suất âm 20-25mm cột nước). Bể thở qua xupap cơ khí để đảm bảo ổn định áp suất trong bể.

- Họng thoát khí là đường ống D50 nối từ bể chứa ra van thở bên ngoài;

- Van thở cao khoảng 3,5m so với mặt đất, vị trí đặt van thở đảm bảo an toàn.

**Hình 1.2: Hình ảnh cột bơm xăng dầu của cơ sở**

**Hình 1.3: Hình ảnh bể chứa xăng dầu**

**Hình 1.4: Rảnh thu gom nước mưa nhiễm xăng dầu**

### 1.3.2.Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Do loại hình hoạt động của cơ sở là kinh doanh xăng dầu (nhập xăng dầu và bán lẻ cho khách hàng) nên tại cơ sở không diễn ra hoạt động sản xuất, vì thế không có quy trình, công nghệ sản xuất tại cơ sở.

***a. Quy trình hoạt động của cơ sở:***

Tại cơ sở chủ yếu là nhập hàng (xăng và dầu các loại), lưu trữ và bán lẻ cho khách hàng nên không có quy trình sản xuất mà chỉ có quy trình hoạt động của cửa hàng dưới đây là quy trình hoạt động của cửa hàng:

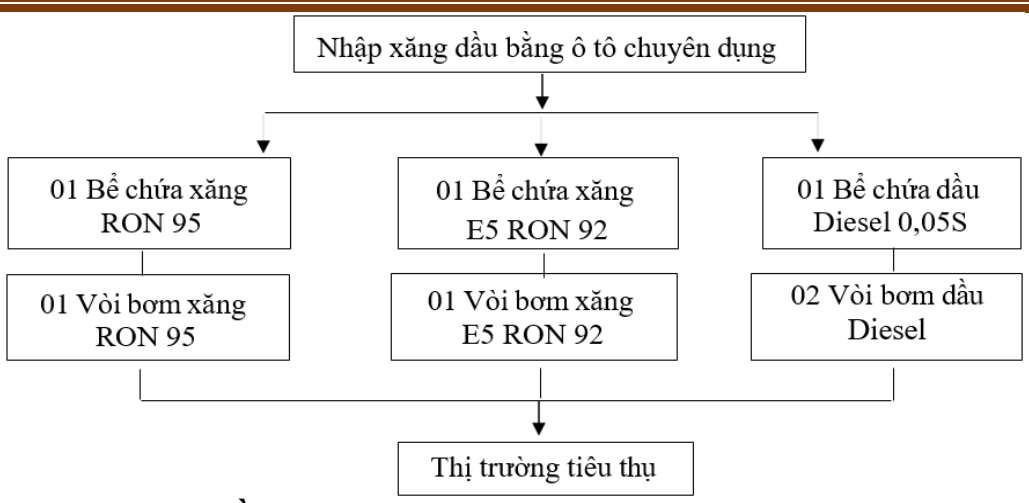


**Sơ đồ 2: Quy trình hoạt động của cơ sở**

***b. Thuyết minh quy trình:***

Xăng, dầu từ xe ô tô xitec chuyên dụng vận chuyển về Cửa hàng xăng dầu Số 14 và được nhập vào bể chứa chôn ngầm bằng hệ thống nhập kín. Hệ thống nhập kín là hệ thống công nghệ bảo đảm quá trình nhập không phát tán hơi xăng dầu tại họng nhập của bể mà chỉ cho hơi xăng dầu thoát ra tại van thở. Xăng dầu từ xe ô tô xitec chảy qua ống mềm liên kết với họng nhập bằng các khớp nối bảo đảm kín tuyệt đối và đi vào bể chứa. Sau đó, xăng dầu từ các bể chứa được xuất bán qua cột bơm điện tử bằng vòi cấp tự ngắt.

**1.3.3. Sản phẩm của cơ sở:**

Cửa hàng xăng dầu Số 14 của Công ty TNHH TMTH Xăng dầu Việt Trung kinh doanh lĩnh vực bán lẻ nhiên liệu xăng, dầu; các sản phẩm cung ứng của cửa hàng là xăng Ron 95-III, xăng E5 Ron 92 và dầu Diesel 0,05S-II. Khối lượng sản phẩm bán ra trong 1 tháng của cơ sở như sau:

**Bảng 1.1. Khối lượng các sản phẩm bán trong 1 tháng**

| STT | Tên mặt hàng | Số lượng sử dụng trong 1 tháng ($m^3$) |
|---|---|---|
| 1 | Xăng Ron95 | 10 |
| 2 | Xăng E5- Ron92 | 10 |
| 3 | Dầu DO | 10 |
| **Tổng cộng** | | **30** |

Tuy nhiên khối lượng nhập còn tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng nhiên liệu của các phương tiện giao thông đến cơ sở.

**1.3.4. Thiết bị tại cơ sở:**

Số lượng cột bơm: được lắp đặt 04 cột bơm điện tử đơn loại TATSUNO, gồm 4 vòi bơm với công suất 40 - 70 lít/phút. Trong đó, 02 vòi bơm dầu Diezel; 01 vòi bơm xăng Ron 95-III; 01 vòi bơm xăng E5 Ron 92. Các cột bơm này được kiểm tra chất lượng định kỳ theo quy định

**1.4 Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:**

**1.4.1.Nguyên, nhiên, vật liệu**

Do đặc thù của cửa hàng là kinh doanh bán buôn, bán lẻ xăng dầu cho khách

hàng trên địa bàn do đó, nguyên nhiên liệu phục vụ cho quá trình kinh doanh bán hàng chính là xăng, dầu từ tổng kho xăng dầu của các đại lý cấp 1, được các xe xitsec vận chuyển nhập vào bể chứa tại cơ sở qua hệ thống xuất nhập khép kín. Xăng dầu được lưu giữ tại các bể chứa ngầm, sau đó được bán cho khách hàng thông qua hệ thống các cột bơm xăng.

Nhu cầu nguyên liệu phục vụ tương ứng với nhu cầu xuất bán cho hoạt động kinh doanh của Cửa hàng xăng dầu Số 14 trong 1 tháng, cụ thể được thống kê tại bảng sau:

**Bảng 1.2. Nhu cầu nguyên liệu sử dụng trong 1 tháng**

| STT | Tên mặt hàng | Số lượng sử dụng trong 1 tháng ($m^3$) |
|---|---|---|
| 1 | Xăng Ron95 | 10 |
| 2 | Xăng E5- Ron92 | 10 |
| 3 | Dầu DO | 10 |
| **Tổng cộng** | | **30** |

*** Đặc tính và tính chất lý – hóa của các loại xăng dầu:**

**Bảng 1.4. Nhu cầu nguyên liệu sử dụng trong 1 tháng**

| Nhiên liệu | Tỷ trọng (kg/lít) | $T^0$ bắt cháy | $T^0$ tự bắt cháy | Ngoại quan | Khả năng bay hơi |
|---|---|---|---|---|---|
| Xăng Ron95 | 0,73 | $(-36^0)$ đến $(-17^0)$ | $(240^0)$ đến $(300^0)$ | Màu xanh trong suốt, không phân lớp và tạp chất | Cao |
| Xăng E5-Ron92 | 0,78 | | | | |
| Dầu DO | 0,85 | $60^0$-$80^0$ | $255^0$-$345^0$ | Sạch, trong, không có nước, tạp chất | Hơi Cao |

**1.4.2.Nhiên liệu**

Nhiên liệu phục vụ cho dự án chủ yếu là nước, điện, dầu DO, nhớt dùng để chạy máy phát điện.

- ***Nhu cầu sử dụng điện***

+ Điện chủ yếu phục vụ cho sinh hoạt và chiếu sáng.

+ Tổng công suất khoảng 20 kw/ngày,đêm.

+ Nguồn điện: đấu nối với tuyến hạ thế 22kV hiện hữu.

- ***Dầu DO***

+ Do máy phát điện dự phòng không hoạt động thường xuyên và chỉ hoạt động khi hệ thống điện lưới cúp. Thực tế cho thấy lượng dầu DO sử dụng khoảng 100 – 150 lít/tháng tương ứng với thời gian cúp điện là 10 – 15 giờ/tháng (10 lít/giờ).

- ***Nhớt***

+ Lượng nhớt sử dụng cho việc chạy máy phát điện dự phòng là 50 lít/1.000 giờ. Lượng nhớt sử dụng phụ thuộc vào thời gian hoạt động của máy phát điện khi có sự cố cúp điện lưới.

- ***Nhu cầu sử dụng nước***

+ Nguồn nước cung cấp cho cửa hàng lấy từ nguồn giếng khoan.

+ Nhu cầu sử dụng nước của cửa hàng trong ngày được tính toán như sau:

**Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng nước**

| STT | Hoạt động sử dụng nước | Quy mô | Nhu cầu sử dụng nước tiêu chuẩn | Nhu cầu sử dụng một ngày ($m^3$/ngày đêm) |
|---|---|---|---|---|
| **1. Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt ($Q_{sh}$)** | | | | |
| 1.1 | Sinh hoạt của nhân viên | 02 người | 100 lít/người/ngày (Tiêu chuẩn dùng nước cho nhân viên làm việc công cộng TCVN 4513-1988 (lít/người/ca)) | 0,2 |
| 1.2 | Sinh hoạt khách hàng (rửa tay, đi vệ sinh) | 50 người | 2 lít/người | 0,1 |
| **2. Nhu cầu sử dụng nước cho mục đích công cộng ($Q_{cc}$)** | | | | |
| 2.1 | Nhu cầu sử dụng nước cho mục đích công cộng (tưới cây, rửa đường,…) ước tính khoảng 0,3 $m^3$/ngày. | | | |
| **Tổng cộng** | | | | 0,6 |

Tổng lượng nước sạch lớn nhất cần cấp cho Cửa hàng xăng dầu Số 14 trong 01 ngày: **$Q_{nc}$ = 0,6$m^3$/ ngày đêm.**

- Lưu lượng xả thải: Theo công thức bảo toàn khối lượng lượng nước cấp dùng cho nhu cầu sinh hoạt sẽ bằng lượng nước thải phát sinh tại Cửa hàng xăng dầu Số 14 *(không bao gồm lượng nước cấp cho mục đích công cộng)* là **0,3 $m^3$/ngày đêm**.

### 1.4.3. Hóa chất sử dụng

Trong trường hợp có sự cố hỏa hoạn xảy ra thì chất tạo bọt sử dụng để chữa cháy. Lượng chất tạo bột sử dụng sẽ tùy thuộc vào quy mô của đám cháy.

## 1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

### 1.5.1. Các văn bản pháp lý hoạt động của cơ sở:

- Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 17/07/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tại Cửa hàng xăng dầu Số 14;
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy số 334/TD-PCCC do Phòng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy cấp ngày 25/10/2021.
- Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu do Sở Công thương cấp ngày 04/05/2023.
- Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 1647/GXN-UBND cấp ngày 19/10/2020 do UBND huyện Vĩnh Linh cấp
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02271 do Sở tài nguyên và môi trường Quảng Trị cấp ngày 22/10/2021.
- Quyết định chủ trương đầu tư số 1127/QĐ-UBND cấp ngày 04/05/2020 do

UBND tỉnh Quảng Trị cấp

**1.5.2. Tình hình hoạt động của cơ sở:**

Cửa hàng xăng dầu Số 14 được xây dựng từ năm 2020 tọa lạc tại Khóm 4, thị trấn Bến Quan, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị với vị trí thông thoáng và thuận lợi về giao thông. Cơ sở đã hoạt động đến nay được hơn 4 năm và chưa xảy ra các sự cố cháy nổ hay sự cố môi trường, tràn dầu nào. Hằng năm, các thiết bị, máy móc đều được bảo dưỡng định kỳ. Bên cạnh đó, Cửa hàng trưởng luôn có mặt và làm việc tại văn phòng nên những vấn đề nhỏ về kỹ thuật thiết bị hay các lỗi có nguy cơ dẫn đến sự cố môi trường, tràn dầu, cháy nổ được kiểm soát chặt chẽ.

Vì vị trí thuận lợi, hoạt động liên tục, ổn định cùng với đội ngũ nhân viên làm việc chuyên nghiệp, có đào tạo bài bản nên Cửa hàng xăng dầu Số 14 có lượng khách hàng ổn định. Hằng tháng, tổng lượng xăng dầu bán ra khoảng 30$m^3$, đem lại nguồn lợi nhuận cho Công ty cũng như đóng góp vào sự phát triển chung của huyện Vĩnh Linh.

# Chương II
# SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

## 2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Địa điểm cửa hàng phù hợp với quan điểm phát triển hệ thống kinh doanh xăng dầu phải đảm bảo phục vụ tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh; phù hợp với kết cấu hạ tầng và gắn kết với các quy hoạch khác có liên quan và phát triển hệ thống kinh doanh xăng dầu đúng định hướng, đảm bảo các điều kiện về kinh doanh xăng dầu theo quy định của pháp luật.

"Cửa hàng xăng dầu Số 14" phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển của Nhà nước theo các văn bản sau:

- Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu.
- Thông tư số 15/2020/TT-BCT ngày 30/6/2020 của Bộ Công Thương ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu.
- Theo QCVN 01:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế Cửa hàng xăng dầu quy định Cửa hàng xăng dầu tiếp giáp với công trình xây dựng khác phải có tường bao kín có chiều cao không nhỏ hơn 2,2 m (so với cốt nền sân bên trong Cửa hàng), bằng vật liệu không cháy. Đối với các hạng mục công trình dân dụng và các công trình xây dựng khác ngoài Cửa hàng (không bao gồm nơi sản xuất có phát lửa hoặc tia lửa và công trình công cộng) có bậc chịu lửa I, II, trường hợp mặt tường về phía Cửa hàng xăng dầu là tường ngăn cháy thì không yêu cầu khoảng cách an toàn từ hạng mục đó đến tường rào Cửa hàng xăng dầu nhưng phải tuân thủ các quy định về xây dựng hiện hành.

Hiện tại xung quanh Cửa hàng đã xây dựng tường cao 2,2 m có kể cấu bằng bê tông xi măng chống cháy đảm bảo đúng theo quy định.

- Theo QCVN 01:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế Cửa hàng xăng dầu quy định khoảng cách an toàn từ bể chứa và cột bơm đến công trình bên ngoài Cửa hàng là 3,5 m (giảm 30% do cửa hàng có lắp hệ thống thu hồi hơi xăng dầu).

## 2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở sẽ được thu gom và xử lý tại hầm tự hoại, sau đó thoát ra hố ga rồi cho tự thấm; Nước mưa chảy tràn nhiễm xăng dầu sẽ được thu gom về bể tách dầu sau đó thoát ra hệ thống thoát nước mưa trên đường liên thôn ở phía Bắc cửa hàng. Bên cạnh đó, lưu lượng nước thải sinh hoạt sau xử lý lớn nhất *(bằng với lượng nước cấp cho mục đích sinh hoạt, không bao gồm nước dùng cho mục đích công cộng*) là 0,3 $m^3$/ngày đêm tương ứng với 0,0125$m^3$/h tương ứng 0,00000347 $m^3$/s là rất nhỏ. Cơ sở hoạt động trên đất liền, xung quanh không có sông, suối, biển, do đó, việc xả thải của dự án không gây tác động đáng kể đến môi trường xung quanh.

- *Khả năng chịu tải của môi trường đối với nước thải:*

+ Toàn bộ nước thải sinh hoạt của Cửa hàng xăng dầu Số 14 được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT(B, K=1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi cho tự thấm trong khuôn viên cơ sở;

+ Toàn bộ nước mưa nhiễm dầu của Cửa hàng xăng dầu Số 14 được xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT(B), áp dụng đối với cửa hàng xăng dầu không có dịch vụ rửa xe, trước khi thải vào hệ thống thoát chung của khu vực;

- *Khả năng chịu tải của môi trường đối bụi và khí thải, tiếng ồn:* Hoạt động kinh doanh của Cửa hàng xăng dầu Số 14 khi hoạt động phát sinh bụi và khí thải từ hoạt động giao thông, vận chuyển nhập nguyên liệu, xuất hàng hóa, bụi và khí thải từ hoạt động kinh doanh… làm gia tăng hàm lượng bụi, khí thải, tiếng ồn trong môi trường không khí của khu vực. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu đến môi trường không khí. Đồng thời, dự án nằm tại khu vực thông thoáng, có chất lượng nền không khí tương đối đối tốt nên khả năng tác động đến môi không khí khu vực là không đáng kể.

- *Khả năng chịu tải của môi trường đối với chất thải rắn:* Hoạt động kinh doanh của Cửa hàng xăng dầu Số 14 phát sinh chất thải sinh hoạt từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên; chất thải nguy hại giẻ lau dính dầu mỡ, cặn dầu nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng, hộp mực in; …Chất thải rắn và chất thải nguy hại được tập kết vào các thùng rác theo đúng mã quy định, chứa đựng đủ lượng rác thải phát sinh. Các thùng rác có nắp đậy giảm thiểu mùi hôi phát sinh và các thùng để thuận lợi cho việc vận chuyển. Khu vực lưu trữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại đảm bảo các thùng phân loại dán nhãn, mã số,.. theo quy định. Công ty tiếp tục hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại đúng theo qui định. Vì vậy, khả năng thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường, CTNH tại cơ sở gần như triệt để theo đúng quy định nhằm giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Qua những đánh giá trên cho thấy dự án đầu tư là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch và khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận các nguồn chất thải của cơ sở.

# Chương III

# KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

## 3.1 Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

### 3.1.1 .Thu gom, thoát nước mưa:

Nước mưa tại khu vực nhà làm việc được thu gom vào hệ thống máng thu nước các ống nhựa PVC cứng với đường kính 90mm rồi dẫn qua rảnh thu gom KT:(DxRxC) = (7x0,3x0,2)m rồi chảy ra sông Sa Lung phía Nam cơ sở.

**Hình 3.1. Hệ thống thu gom nước mưa mái của cơ sở**

### 3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

#### *3.1.2.1. Nước thải sản xuất*

- Nguồn phát sinh: Từ quá trình vệ sinh sân đường trước nhà bán hàng, mái che cột bơm và phát sinh khi có nước mưa chảy qua khu vực.
- Thành phần: chứa các chất thải phần dầu mỡ, chất hữu cơ,…

Lượng nước mưa chảy tràn trên mặt sân và nước vệ sinh sân đường phía trước nhà bán hàng, mái che cột bơm được xác định theo công thức (TCVN 7957:2023 - Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế):

$$Q = q \times F \times \beta \times \psi.$$

Trong đó:

Q - Lượng nước mưa chảy tràn;

q – Lượng mưa trung bình ngày trong tháng lớn nhất trong năm 2020 có giá trị 74,7 mm (T10/2020);

F - Diện tích khu vực bể chứa có khả năng nhiễm dầu (30 $m^2$) + Diện tích mái che cột bơm (390 $m^2$). Như vậy F = 420 $m^2$;

β – Hệ số phân bố mưa. β = 1,0 tương ứng với diện tích mặt phủ bê tông = 420 $m^2$ = 0,042 ha < 500 ha;

ψ - Hệ số dòng chảy, phụ thuộc vào loại mặt phủ và chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán P, ψ = 0,75 tương ứng với mặt phủ bê tông.

Vậy: Q = 0,0747 (m) × 420 ($m^2$) × 1,0 × 0,75 = 23,53 $m^3$/ngày.

Nước thải phát sinh được thu gom theo hệ thống rãnh thoát nước kích thước (D×R×C) = (26×0,4×0,5) m nằm trước mặt Cửa hàng, sau đó dẫn vào bể lắng, lọc và tách dầu mỡ nằm ở góc phía Tây Bắc để xử lý trước khi thoát ra hệ thống thoát

nước dọc đường tỉnh lộ 571 nằm phía Bắc của Cơ sở. (Hình ảnh và bản vẽ hoàn công đính kèm tại phụ lục)

***3.1.2.2.Nước thải sinh hoạt***

- Nguồn phát sinh: Từ quá trình sinh hoạt của 2 CBCNV làm việc tại Cửa hàng và khoảng 50 khách hàng/ngày.

Thành phần: Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các loại vi khuẩn, các chất hữu cơ, các chất rắn lơ lửng.

- Tải lượng: Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh là 0,3 $m^3$/ngày.
- Đối với nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom và xử lý bằng hệ thống bể tự hoại 3 ngăn với thể tích 12 $m^3$. Nước thải sau khi xử lý sẽ theo hệ thống đường ống nhựa PVC đường kính 100mm được chảy vào hố lắng có kích thước (D×R×C) = (1,65×1,07×1,7)m rồi tự thấm trong khuôn viên dự án.

**3.1.3. Xử lý nước thải**

***a.*** *Đối với nước thải sản xuất*

Để xử lý nước mưa chảy tràn trên sân bãi bê tông cuốn theo dầu mỡ thải và mái che cột bơm, Chủ cơ sở đã xây dựng hệ thống bể lắng, lọc và tách dầu mỡ với thể tích 8,05$m^3$ có kết cấu bằng bê tông, nắp đậy đan thép, đặt góc phía Tây Bắc của Cửa hàng với kích thước như sau:

+ Ngăn 1: (D×R×C) = (2×1×1,25) m;
+ Ngăn 2: (D×R×C) = (2×1×1,25) m;
+ Ngăn 3: (D×R×C) = (2×1×1,25) m;

*(Sơ đồ thiết kế và hình ảnh kèm theo ở phụ lục)*

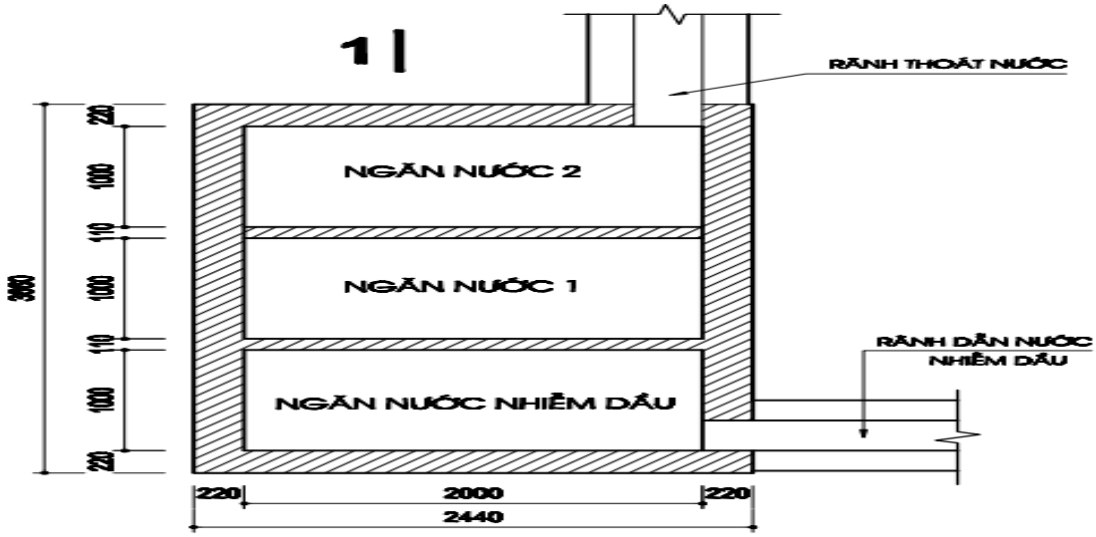


**Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom và xử lý nước thải**

Nước thải sau khi được tách dầu mỡ, lắng sẽ thoát ra cống thoát nước dọc đường tỉnh lộ 571 ở phía Bắc của Cơ sở. Đối với váng dầu thu gom từ bể lắng, được đưa vào 04 thùng chứa 120 lít sau đó lưu trữ tại kho chứa CTNH có diện tích 2$m^2$ của cơ sở.

***b. Đối với nước thải sinh hoạt***

**** Nước thải đen:***

Để xử lý nước thải đen của 2 CBCNV và các khách ra vào Cửa hàng, Chủ cơ

sở đã xây dựng bể tự hoại 3 ngăn với thể tích 12 $m^3$ đã được xây dựng vào góc phía Đông Nam của Cơ sở để phục vụ cho quá trình sinh hoạt của CBCNV.

Chức năng của bể tự hoại là lắng và phân huỷ cặn lắng nên cấu tạo của bể tự hoại gồm 2 phần: Phần lắng và phần phân huỷ cặn.

Tính toán kích thước của bể tự hoại:

Dung tích bể tự hoại được xác định theo công thức sau:

$$W = Wn + Wc.$$

Trong đó

Wn: Thể tích phần nước của bể; ($m^3$)

Wc: Thể tích phần phân huỷ cặn của bể; ($m^3$)

+ Trị số Wn có thể lấy bằng 1 đến 3 lần lưu lượng nước thải trong một ngày đêm tùy thuộc yêu cầu vệ sinh.

Qn: Lượng nước thải thực tế trong một ngày đêm; ($m^3$) Ở đây chọn: Wn = 2Qn = 2×0,3 $m^3$/ngày.đêm = 0,6 $m^3$.

+ Trị số Wc được xác định theo công thức sau:

$$Wc = [a×T×(100 - W1)×b×c]×N/[(100 - W2)×1.000] (m^3).$$

Trong đó:

a: Lượng cặn của một người thải ra một ngày (0,5- 0,8 lít/người.ngày.đêm) T: Thời gian giữa 2 lần lấy cặn, chọn: T= 365 ngày.

$W_1$, $W_2$: độ ẩm của cặn tươi và cặn khi lên men, (%). Chọn: $W_1$=95%, W2=90%.

b: Hệ số giảm thể tích cặn khi lên men (giảm 30%) và lấy bằng 0,7.

c: Hệ số để lại một phần cặn đã lên men khi hút cặn (20%) và lấy bằng 1,2. N: Số người sử dụng (N = 52 (Bao gồm 2 CBCNV và 50 khách vãng lai)).

$$=> Wc = [0,8×365×(100 - 95)×0,7×1,2×52]/[(100 - 90)×1.000] = 6,37 m^3$$

Tổng thể tích bể tự hoại là 0,6 + 6,37 = 6,97 $m^3$. Hiện tại, Chủ cơ sở đã xây dựng hoàn thiện hầm tự hoại có thể tích 12 $m^3$, nằm ở phía Tây Nam của Cửa hàng, đảm bảo xử lý lượng nước thải phát sinh.

Nước thải sau khi qua bể tự hoại 2 ngăn sẽ hệ thống đường ống nhựa PVC đường kính 100 mm được chảy vào hố lắng có kích thước (D×R×C) = (1,65×1,07×1,7)m rồi tự thấm trong khuôn viên của Cơ sở, định kỳ khoảng 2 - 3 năm/lần thuê đơn vị có chức năng hút hầm vệ sinh để đảm bảo hiệu suất xử lý.

**** Nước thải xám:***

Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh cá nhân như hoạt động rửa tay chân của CBCNV Cửa hàng và khách hàng được thu gom thông qua hệ thống thoát nước chảy vào hố lắng có kích thước (D×R×C) = (0,8×0,8×0,8) m rồi tự thấm trong khuôn viên của Cơ sở.

**3.2.Công trình xử lý bụi, khí thải**

Trong quá trình hoạt động của Cơ sở đã phát sinh ra khí thải, bụi từ hoạt động ra vào Cửa hàng của các phương tiện giao thông. Hơi xăng dầu bay hơi khi nhập, xuất xăng dầu. Ngoài ra, khí thải còn phát sinh từ quá trình phân hủy chất thải rắn hữu cơ, từ những nơi chứa rác, khu vệ sinh...

Tuy nhiên, trong suốt quá trình hoạt động từ trước đến nay Cửa hàng chưa có sự phản ánh của chính quyền địa phương hay người dân trong khu vực về ảnh hưởng môi trường không khí do hoạt động của Cửa hàng. Điều đó cho thấy, hoạt động của Cửa hàng tác động không lớn đến CBCNV, người dân trong khu vực.

Nhưng để hạn chế đến mức thấp nhất hơi xăng dầu khuếch tán ra môi trường bên ngoài, Cơ sở đã áp dụng có hiệu quả các biện pháp như sau:

- Thiết kế, lắp đặt hệ thống xuất, nhập, hệ thống van thở, tuân thủ theo các yêu cầu của QCVN 01:2020/BCT quy chuẩn quốc gia về Cửa hàng xăng dầu - yêu cầu thiết kế.
- Xe ô tô để vận chuyển xăng dầu phải là xe chuyên dụng được thiết kế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.
- Thường xuyên tập huấn và huấn luyện công nhân thực hiện các nguyên tắc và thao tác bơm cẩn thận trong quá trình bán xăng dầu.
- Tổ chức vệ sinh hằng ngày trên toàn bộ mặt bằng khu vực cửa hàng.
- Trang bị áo quần, găng tay, khẩu trang cho công nhân lao động.

Hằng ngày, công nhân của Cửa hàng sẽ tiến hành phun nước nhằm hạn chế bụi phát sinh do gió hoặc do các phương tiện ra vào Cửa hàng.

### 3.3 Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Nguồn phát sinh chất thải rắn từ quá trình sinh hoạt của 2 CBCNV của Cửa hàng và khoảng 50 khách hàng/ngày. Lượng CTR phát sinh chủ yếu là thức ăn dư thừa, vỏ hoa quả, giấy vụn, túi nilon, chai, lọ… Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh thực tế tại cửa hàng khoảng 0,6 kg/ngày. Hiện tại Cơ sở đã thực hiện các biện pháp thu gom và xử lý như sau:

- Bố trí 02 thùng chứa rác thải chuyên dụng loại 120 L và 01 thùng rác loại 30L tại vị trí ra vào Cửa hàng để thu gom rác và định kỳ hợp đồng với tổ đội thu gom rác của thôn vận chuyển, xử lý với tần suất thu 1 lần/ngày.

Biện pháp này hiện đang được áp dụng có hiệu quả, do đó trong thời gian tới Cơ sở sẽ tiếp tục áp dụng.

### 3.3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

Do đặc thù của của hàng là kinh doanh bán lẻ xăng dầu do đó không phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường.

### 3.4 Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Theo số liệu thống kê tại Cửa hàng thì khối lượng chất thải rắn nguy hại của cửa hàng cụ thể như sau:

**Bảng 3.1. Thống kê chất thải nguy hại**

| TT | Tên chất thải | Mã CTNH | Khối lượng/năm (kg) |
|---|---|---|---|
| 1 | Giẻ lau dính dầu, bông thấm dầu | 18 02 01 | 5 |
| 2 | Bóng đèn huỳnh quang thải | 16 01 06 | 2 |
| 3 | Bùn thải nhiễm dầu từ bể lọc dầu | 19 07 01 | 3 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | **Tổng** | | **10** |

CTNH với khối lượng phát sinh không lớn, tuy nhiên Chủ cơ sở sẽ chấp hành nghiêm ngặt khu vực lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng theo Khoản 6, Điều 35, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và theo dõi lượng CTNH phát sinh tại Cửa hàng. CTNH được thu gom, phân loại vào 2 thùng với thể tích 120 L và 1 ống nhựa PVC có nắp đậy chứa đèn huỳnh quang thải có dán nhãn và chứa tại kho CTNH của Cửa hàng. Toàn bộ CTNH của Cửa hàng được tập kết và hiện nay Công ty đã hợp đồng với Công ty Cổ phần Cơ – Điện - Môi trường Lilama định kỳ vận chuyển, xử lý với tần suất 01 đợt/năm. (Hợp đồng đính kèm tại phụ lục)

## 3.5 Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở:

Nguồn phát sinh tiếng ồn tại Cơ sở chủ yếu từ các phương tiện ra vào Cửa hàng để mua xăng dầu. Do đó, Cở sở sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Quy định tốc độ các loại phương tiện khi ra vào Cửa hàng.
- Yêu cầu các phương tiện ra vào Cửa hàng hạn chế sử dụng còi xe, các trường hợp khi cần sẽ yêu cầu tắt máy trước khi vào Cửa hàng.

## 3.6 Các biện pháp bảo vệ môi trường khác.

### *3.6.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy, nổ*

- Cơ sở đã có Giấy chứng nhận số 334/TD-PCCC ngày 25/10/2021 của phòng cảnh sát PCCC&CNCH về việc đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.
- Toàn bộ trang thiết bị phòng cháy chữa cháy của Cửa hàng tuân thủ theo QCVN 01:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế Cửa hàng xăng dầu trong phòng chống cháy nổ được bố trí như sau:

+ Trang bị các bình cứu hỏa cả trên xe đẩy cơ động và vách treo tường tại nhà bán hàng, khu vực văn phòng, cột bơm xăng dầu. Trong đó, bình chữa cháy có xe đẩy MFZT35 loại 35kg có 02 bình, bình chữa cháy MFZ8 có 10 bình. Các bình chữa cháy được bố trí tại các vị trí thuận tiện ở cửa hàng, dễ nhìn thấy cùng với các chăn sợi.

+ Trang bị các tiêu lệnh PCCC, kẻng báo cháy. Các biển báo và ký hiệu cấm lửa, không sử dụng điện thoại… ở các vị trí cần thiết như các cột bơm và phía trước nhà bán hàng, xung quanh vách tường.

- Các bể chứa xăng dầu được chôn ngầm dưới cát, có hệ thống kết cấu neo bể chống đẩy nổi. Xung quanh bể có hệ thống cọc tiếp địa chống tĩnh điện đảm bảo an toàn tuyệt đối khi xe vào nhập hàng.
- Bố trí 1 bể chứa nước 1 $m^3$ và 1 bể chứa cát 1 $m^3$ đặt phía Đông Nam của cửa hàng xăng dầu để đảm bảo phòng cháy chữa cháy.
- Toàn bộ đường ống xuất xăng dầu ra cột bơm và hệ thống thu hồi hơi xăng được bọc vải thủy tinh bảo vệ và bố trí trong rãnh kín có đan bê tông cốt thép chịu lực. Rãnh kín dẫn các đường ống xuất bán xăng dầu ra đúng các vị trí cột bơm.
- Các chi tiết của cụm bể chứa xăng dầu như họng nhập, van thở cùng hệ thống thu hồi xăng được thiết kế tuân thủ nghiêm ngặt theo QCVN 01:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu để đảm bảo an

toàn trong quá trình sử dụng.

- Thường xuyên diên tập công tác PCCC cho cán bộ công nhân viên Cửa hàng.

### *3.6.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố tràn dầu*

Hiểu rõ đặc thù các hoạt động của mình, Cửa hàng xăng dầu Số 14 luôn coi trọng công tác phòng chống và ứng phó với các sự cố có thể xảy ra. Công ty đã thiết kế hệ thống xuất, nhập xăng dầu theo đúng quy định, các vật liệu lưu chứa, đường dẫn được lựa chọn đúng chất lượng, đảm bảo bền bỉ, an toàn với thời gian. Hiện tại Cơ sở đã được phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tại Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 17/07/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị.

Các phương tiện, trang thiết bị ứng phó mà Công ty đã trang bị như hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống điện chiếu sáng của Cửa hàng xăng dầu Số 14 và các trang thiết bị ƯPSCTD như chăn sợi, giấy thấm, cát chữa cháy, phao quây để thu hồi dầu tràn không để phân tán rộng ra môi trường. Trong trường hợp sự cố tràn dầu xảy ra vượt khả năng ứng phó của Cửa hàng sẽ thông báo với cơ quan chức năng liên quan để ứng cứu kịp thời.

Đồng thời, xây dựng kế hoạch ứng phó với sự cố tràn dầu theo quy định như sau:

* *Quy trình chung:*

Tổ chức cứu nạn và khống chế nguồn gây dầu tràn: Khi xảy ra sự cố, trướctiên tìm mọi biện pháp cứu người bị nạn thoát khỏi vùng nguy hiểm (nếu có) và khống chế nguồn gây dầu tràn. Triển khai các công việc sau:

- Khi phát hiện sự cố, phải khống chế ngay nguồn gây dầu tràn ngay sau khi phát hiện sự cố, ngừng hoạt động xuất/nhập dầu tại cửa hàng, đóng tất cả các van có liên quan, sơ tán nhanh chóng các phương tiện, con người đang có mặt tại cửa hàng.
- Tiếp cận hiện trường, tìm mọi biện pháp cứu người bị nạn (nếu có) và di tản ra khỏi khu vực sự cố.
- Phối hợp tổ chức lực lượng, phương tiện đảm bảo đảm bảo phòng chống cháy nổ báo động đến các phương tiện, người dân xung quanh cửa hàng tránh xa khu vực dầu tràn. Nghiêm cấm các hành vi phát sinh nguồn lửa, nguồn nhiệt trong vùng sự cố.
- Báo cáo tình trạng thực tế ban đầu về dầu tràn.
- Bảo đảm an toàn, an ninh khu vực sự cố.

* *Thông báo, báo động:*

- Khi xảy ra sự cố, người phát hiện sự cố phải thông báo ngay cho cửa hàng trưởng/Đội trưởng đội ƯPSCTD, cửa hàng trưởng thông báo cho Giám đốc Công ty/Trưởng BCĐ để BCĐ kịp thời có mặt chỉ đạo xử lý sự cố, quyết định phương án ứng cứu.
- Khẩn trương báo động đến toàn bộ nhân viên, khách hàng, người dân xung quanh… để sẵn sàng ứng phó hoặc di tản ra khỏi vùng sự cố.

Tùy mức độ dầu tràn để quyết định mức độ thông báo, báo động.

* *Đánh giá sự cố:* Mục đích nhằm xác định mức độ sự cố, cung cấp thông tin nhằm hướng dẫn, kiểm soát và ứng cứu.

- Các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá như vị trí và loại sự cố, ước

lượng khối lượng dầu tràn, nguồn gây dầu tràn, loại dầu tràn, hướng gió, điều kiện thời tiết.

- Các thông tin cần xác định gồm:

+ Hướng di chuyển của vệt dầu;

+ Khả năng ảnh hưởng của dầu tràn;

+ Xác định nguyên nhân gây sự cố và khả năng tự ứng cứu ban đầu của bên gây sự cố, mức độ hỗ trợ của các cơ quan liên quan;

+ Mức độ thông báo/báo động;

+ Sự cần thiết phải áp dụng các biện pháp an ninh để hạn chế việc tiếp cận dầu tràn.

+ Các hoạt động khả thi có thể thực hiện để kiểm soát nguồn dầu tràn, để chuyển hướng, ngăn chặn, cô lập và thu hồi dầu; làm sạch và khôi phục khu vực bị ảnh hưởng.

+ Thực lực của Đội Ứng phó sự cố tràn dầu (ƯPCSTD) tại hiện trường và các thiết bị ứng phó cần có để tiến hành thực hiện các hoạt động ứng phó;

+ Mức độ an toàn khi thực hiện các hoạt động kiểm soát, ứng phó.

* *Lựa chọn phương án ứng phó và huy động trang thiết bị/lực lương ứng phó*

Để có phương án ứng phó có hiệu quả, nhiệm vụ quan trọng của Chỉ huy trưởng và Đội trưởng đội ƯPCSTD là lựa chọn phương pháp ứng phó và huy động trang thiết bị/lực lượng để tổ chức ứng phó.

- Chỉ huy trưởng (giám đốc Công ty) lựa chọn phương pháp ứng phó
- Đội trưởng Đội ƯPCSTD căn cứ quyết định phương pháp ứng phó của Chỉ huy trưởng, căn cứ vào thực tế hiện trường khu vực xảy ra sự cố để lập ra phương án ứng phó tại hiện trường.
- Huy động toàn bộ lực lượng/trang thiết bị của cửa hàng tham gia ứng phó. Ngoài ra có thể huy động hỗ trợ từ các đơn vị liên quan trong trường hợp cần thiết.

* *Phương án ứng phó sự cố tại hiện trường:*

- Tìm mọi cách ngăn không cho dầu tiếp tục chảy ra môi trường; căn cứ vào tình hình thực tế tại hiện trường để sử dụng có hiệu quả các thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu, PCCC, hệ thống thu gom tách ly dầu, bơm hút dầu… để tiến hành thu gom, xử lý dầu tại hiện trường.
- Tránh phát sinh nguồn ô nhiễm thứ cấp: thiết lập ranh giới rõ ràng giữa "vùng ô nhiễm" và ''vùng sạch'', kiểm tra thường xuyên các thiết bị để tránh rò rỉ đảm bảo mọi dụng cụ phải kín…
- Mọi hoạt động ứng phó đều phải được thực hiện sao cho tính mạng và sự an toàn của lực lượng ứng phó nói riêng và con người nói chung được đảm bảo ở một mức độ cao nhất.

* *Kết thúc hoạt động ứng cứu:*

- Sau khi hoàn thành công tác ứng phó hiện trường, môi trường đảm bảo, không còn nguy cơ cháy nổ, Chỉ huy trưởng ra lệnh kiểm tra, bảo trì, làm sạch và thu hồi các thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác ƯPCSTD về vị trí ban đầu.

+ Các trang thiết bị trước khi ra khỏi khu vực sự cố phải được làm sạch nhằm tránh ô nhiễm thứ cấp.

+ Thu hồi trang thiết bị, vật tư còn có khả năng sử dụng, tiến hành kiểm tra, bảo trì.

+ Tiến hành rà soát và có kế hoạch bổ sung các trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu và PCCC đảm bảo đủ số lượng, chất lượng để sẵn sàng ứng phó.

+ Sửa chữa máy móc, thiết bị hư hỏng để nhanh chóng trở lại sản xuất.

- Xử lý dầu thu hồi và vật liệu nhiễm dầu:

+ Giảm thiểu chất thải tại nguồn: dọn sạch rác thải, đá, cỏ… (nếu có thể) nơi có thể tràn đến; tái sử dụng trang bị bảo hộ, dụng cụ thu dọn.

+ Xử lý: Dầu thu hồi, vật liệu hấp phụ dầu và các chất thải nhiễm dầu được chứa tạm thời một cách an toàn, tập trung về một địa điểm, ngăn không cho thấm tràn ra môi trường xung quanh và sau đó được chuyển đến nơi xử lý sau cùng.

Việc xử lý dầu phải do đơn vị có đủ năng lực thực hiện. Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để xử lý chất thải nhiễm dầu khi có sự cố xảy ra.

- Thực hiện công tác bồi thường thiệt hại (nếu có): thu thập thông tin, thiệt hại, lập các thủ tục và hồ sơ cần thiết theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, trong quá trình ứng phó tiến hành lập, các biên bản, báo cáo cần thiết để cung cấp thông tin, báo cáo cho cơ quan chức năng theo dõi hoặc sử dụng trong công tác bồi thường thiệt hại

# Chương IV
# NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

## 4.1 Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

### 4.1.1.Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực Nhà bán hàng.
- Nguồn 02: Nước thải sản xuất là nước mưa chảy tràn qua sân bãi có nhiễm dầu và nước mưa nhiễm xăng dầu ở cột bơm được thu gom về bể lắng, lọc và tách dầu mỡ.

### 4.1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

*Nguồn tiếp nhận nước thải*

- Dòng thải số 01: Nước thải sinh hoạt của 2 CBCNV và 50 khách hàng/ngày sau khi xử lý sẽ tự thấm trong khuôn viên Cơ sở.

- Dòng thải số 02: Nước mưa chảy tràn qua sân đường có dầu rơi vãi sau khi xử lý bằng bể tách dầu 3 ngăn có kích thước (D×R×C) = (3,66×2,44×1,6) m được thu gom và chảy vào rãnh thoát nước dọc đường liên thôn phía Bắc của Cơ sở.

*Vị trí xả nước thải*

+ Dòng nước thải số 01: Nước thải sau khi qua hố lắng sẽ tự thấm trong khuôn viên Cơ sở. Tọa độ X: 1882426.2 m; Y: 568320.0m (Hệ tọa độ VN2000, KTT $106^0$'15, múi chiếu $3^0$).

+ Dòng nước thải số 02: Nước thải được thoát ra rãnh thoát nước chảy dọc Quốc lộ 1 nằm sát phía Tây Nam của Cơ sở. Tọa độ X: 1882422.7 m; Y: 568289.7 m (Hệ tọa độ VN2000, KTT $106^0$'15, múi chiếu $3^0$).

*Lưu lượng xả nước thải lớn nhất*

- Nước thải sinh hoạt: 0,3 $m^3$/ngày đêm, tương đương 0,0125 $m^3$/giờ.
- Nước thải sản xuất: 23,53 $m^3$/ngày.đêm ≈ 0,98 $m^3$/giờ

### 4.1.3. *Phương thức xả nước thải*

- Nước thải sinh hoạt: Tự chảy.
- Nước thải sản xuất: Tự chảy.

### *4.1.3. Chế độ xả nước thải*

- Nước thải sinh hoạt: Xả thải liên tục trong ngày.
- Nước thải sản xuất: Xả thải khi có mưa hoặc khi vệ sinh sân bãi.

### *4.1.4. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận*

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

***- Nước thải sinh hoạt:***

**Bảng 4.1. Giá trị giới hạn cho phép chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận**

| TT | Thông số | Đơn vị | QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K = 1,2) |
|---|---|---|---|
| 1 | pH | - | 5 - 9 |
| 2 | TSS | mg/l | 120 |
| 3 | $BOD_5$ | mg/l | 60 |
| 4 | $NO_3^-$ tính theo N | mg/l | 60 |
| 5 | $NH_4^+$ tính theo N | mg/l | 12 |
| 6 | $PO_4^{3-}$ tính theo P | mg/l | 12 |
| 7 | Sunfua | mg/l | 4,8 |
| 8 | Dầu mỡ động thực vật | mg/l | 24 |
| 9 | Coliform | MPN/100 ml | 5.000 |

** Ghi chú:*

*- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;*

*- Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ);*

*- K=1,2: áp dụng cho cơ sở sản xuất kinh doanh có dưới 500 người.*

***- Nước thải sản xuất:***

**Bảng 4.2. Giá trị giới hạn cho phép chất lượng nước thải sản xuất trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận**

| TT | Thông số | Đơn vị | QCVN 29:2010/BTNMT (cột B) - Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe |
|---|---|---|---|
| 1 | pH | - | 5,5 - 9 |
| 2 | TSS | mg/l | 120 |
| 3 | COD | mg/l | 150 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 4 | Dầu mỡ khoáng | mg/l | 30 |

** Ghi chú:*

- *QCVN 29:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu.*
- *Cột B- Quy định giá trị tối đa của các thông số ô nhiễm trong nước thải khi thải vào các nguồn tiếp nhận khác với nguồn nước quy định cho cột A - Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe.*

**4.2. Nội dung đề nghị cấp phép với khí thải**

Quá trình hoạt động của cơ sở chỉ phát sinh bụi, khí thải từ các nguồn phân tán như phương tiện giao thông, hơi xăng dầu. Các nguồn phát sinh này đều được giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý nội vi như đề xuất tại chương III. Do đó, Chủ cơ sở không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

**4.3. Nội dung đề nghị cấp phép với tiếng ồn, độ rung**

Quá trình hoạt động của cơ sở chỉ phát sinh tiếng ồn, độ rung trong quá trình xuất, nhập dầu của các phương tiện. Các nguồn này đều được giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý phương tiện lưu thông ra vào khu vực Cửa hàng. Do đó, không đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.

.

# Chương V
# KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

## 5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Cơ sở không quan trắc định kỳ đối với nước thải.

## 5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Cơ sở không quan trắc định kỳ đối với bụi, khí.

# Chương VI
# CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

## 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Cửa hàng xăng dầu số 14 không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải do thuộc đối tượng quy định tại điểm h, khoản 1, điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trong đó quy định: Công trình xử lý chất thải của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường nhưng không có thay đổi so với giấy phép môi trường thành phần hoặc giấy phép môi trường đã cấp.

## 6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.

### 6.2.1.Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

Căn cứ khoản 2 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì cơ sở Cửa hàng xăng dầu Số 14 không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc định kỳ đối với nước thải.

Căn cứ khoản 2 Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì cơ sở Cửa hàng xăng dầu Số 14 không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc định kỳ đối với bụi, khí thải công nghiệp.

### 6.2.2.Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Căn cứ khoản 1 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì cơ sở Cửa hàng xăng dầu Số 14 không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải.

Căn cứ khoản 1 Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì cơ sở Cửa hàng xăng dầu Số 14 không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc tự động, liên tục đối với bụi, khí thải công nghiệp.

**6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở:** Không

# Chương VII
# KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 3 năm gần đây, từ năm 2020 đến nay, Cửa hàng xăng dầu Số 14 thuộc Công ty TNHH TMTH Xăng dầu Việt Trung không có các đợt kiểm tra, thanh tra về công tác bảo vệ môi trường của các cơ quan có thẩm quyền. Cơ sở trong thời gian hoạt động đảm bảo thực hiện đúng các quy định về môi trường, không có vi phạm về công tác bảo vệ môi trường.

# Chương VIII
# CAM KẾT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

Công ty TNHH TMTH Xăng dầu Việt Trung cam đoan các nội dung, thông tin trong hồ sơ và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Công ty TNHH TMTH Xăng dầu Việt Trung xin cam kết:

- Xả nước thải theo nội dung giấy phép được cấp, không xả nước thải chưa đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia vào nguồn nước, ra ngoài môi trường dưới bất kỳ hình thức nào và tuân thủ các nghĩa vụ theo Quy định tại Khoản 2 Điều 38 Luật tài nguyên nước;
- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, ứng phó, phối hợp với cơ quan quản lý khắc phục sự cố môi trường;
- Bồi thường thiệt hại trong trường hợp gây ra ô nhiễm, sự cố môi trường;

# PHỤ LỤC

## Phụ lục 1: Giấy tờ pháp lý

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
- Giấy phép xây dựng
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy chữa cháy
- Giấy xác nhận đăng kí kế hoạch BVMT
- Quyết định chủ trương đầu tư

## Phụ lục 2: Bản vẽ